

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/DS-PT

Ngày: 18 - 5 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH L**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*

Ông Bùi Hữu Nhân

*Các Thẩm phán:*

Ông Huỳnh Châu Thạch

Bà Lê Thị Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Mai - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh L.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:** Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh L; xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 122/2022/QĐ-PT ngày 06/5/2022, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố 13, thị trấn C, huyện C, tỉnh L.

2- *Bị đơn:* Bà Đặng Thị N, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ dân phố 13, thị trấn C, huyện C, tỉnh L.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Đặng Thị N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 30/12/2019, bà O cho bà N vay số tiền 20.000.000 đồng (các bên không viết giấy tờ gì), đến ngày 21/12/2020 bà O tiếp tục cho bà N mượn số tiền 250.000.000 đồng (bà N có viết giấy mượn nợ). Bà O đã yêu cầu bà N trả nợ

nhiều lần, nhưng bà N không trả nên bà O khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả số tiền 250.000.000 đồng. Sau khi khởi kiện đến ngày 15/11/2021 bà N đã chuyển khoản trả nợ cho bà O số tiền 150.000.000 đồng, còn nợ lại 120.000.000 đồng. Nay bà O chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả nợ cho bà O số tiền 120.000.000 đồng tiền gốc, không yêu cầu trả lãi.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà N trình bày:*

Bà N thừa nhận do cần tiền làm ăn nên có vay tiền của bà O nhiều lần, cụ thể: Ngày 30/12/2019 vay số tiền 20.000.000 đồng; ngày 21/12/2020 vay số tiền 250.000.000 đồng; tổng cộng bà N vay bà O số tiền 270.000.000 đồng. Sau khi vay bà N đã trả nợ toàn bộ số tiền gốc trên cho bà O, cụ thể: ngày 30/01/2021 trả 20.000.000 đồng và ngày 03/3/2021 bà N trả cho bà O số tiền 100.000.000 đồng, khi trả do tin tưởng nhau nên bà N không viết giấy tờ gì; ngày 15/11/2021 bà N chuyển khoản trả cho bà O số tiền 150.000.000 đồng. Do vậy việc bà O khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 120.000.000 đồng thì bà N không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị O đối với bị đơn là bà Đặng Thị N về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc bà Đặng Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị O số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, quyết định của bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 24/01/2022, bị đơn bà Đặng Thị N kháng cáo đối với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện C. Đề nghị hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm; bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị O và không đồng ý trả bất kỳ khoản tiền nào cho bà O vì đã trả đầy đủ các khoản nợ cho bà O.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn bà O đề nghị giải quyết như bản án sơ thẩm.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự phúc thẩm; đề nghị Hội đồng xét

xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà N; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà O khởi kiện cho rằng ngày 30/12/2019 bà cho bà N vay số tiền 20.000.000 đồng, đến ngày 21/12/2020 bà tiếp tục cho bà N vay số tiền 250.000.000 đồng, bà đã yêu cầu bà N trả nợ nhiều lần, nhưng bà N không trả nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả số tiền 250.000.000 đồng. Sau khi khởi kiện, đến ngày 15/11/2021 bà N đã chuyển khoản trả nợ cho bà O số tiền 150.000.000 đồng, còn nợ lại 120.000.000 đồng nên bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả nợ cho bà số tiền 120.000.000 đồng tiền gốc, không yêu cầu trả lãi. Còn bị đơn bà N thừa nhận do cần tiền làm ăn nên có vay tiền của bà O nhiều lần theo nguyên đơn trình bày là đúng. Sau khi vay bà đã trả nợ toàn bộ số tiền gốc trên cho bà O, cụ thể: ngày 30/01/2021 trả 20.000.000 đồng, ngày 03/3/2021 bà trả số tiền 100.000.000 đồng, ngày 15/11/2021 trả số tiền 150.000.000 đồng nên bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà O.

Vì vậy, các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C là có căn cứ.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn bà N: Theo giấy vay tiền ngày 21/12/2020 thể hiện nội dung bà O cho bà N mượn số tiền 250.000.000 đồng và bà N còn thừa nhận ngày 30/12/2019 bà có vay của bà O số tiền 20.000.000 đồng; các đương sự đều thừa nhận tổng số tiền bà N vay của bà O là 270.000.000 đồng. Bà O cho rằng bà N đã trả cho bà được 150.000.000 đồng vào ngày 15/11/2021 bằng hình thức chuyển khoản còn thiếu 120.000.000 đồng chưa trả. Còn bà N thì lại cho rằng đã trả hết nợ cho bà O nhưng bà N lại không có chứng cứ chứng minh; trong khi đó, bà O chỉ thừa nhận ngày 15/11/2021 bà N chuyển khoản trả cho bà O số tiền 150.000.000 đồng, còn số tiền 120.000.000 đồng thì bà O chưa trả nên bản án sơ thẩm buộc bà N trả cho bà O số tiền 120.000.000 đồng là có căn cứ.

[3]. Việc bà N cho rằng bà N có mượn tiền của bà Bích 100.000.000 đồng để trả cho bà O và việc trả nợ có bà Bích làm chứng thì theo văn bản trình bày của bà Bích thể hiện nội dung vào ngày 03/3/2021 bà Bích có cho bà N mượn 100.000.000 đồng để trả nợ nhưng trả cho ai thì bà Bích không biết. Nội dung này bà O lại không thừa nhận nên không có cơ sở để xem xét.

[4]. Với những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O để buộc bà Đặng Thị N trả toàn bộ số nợ gốc là 120.000.000 đồng là có căn cứ.

[5]. Do sau khi bà O khởi kiện tại Tòa án thì ngày 15/11/2021 bà N chuyển khoản trả số tiền 150.000.000 đồng cho bà O nên bà O rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền này nên cần đình chỉ là có căn cứ.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N, sinh năm 1959, hiện bà N đã trên 60 tuổi. Theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 2 của Luật Người cao tuổi năm 2009 thì bà N là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí dân sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc bà N phải chịu 6.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là không đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bà N đề nghị được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và có đơn đề nghị miễn nộp án phí dân sự nên cần sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà N.

[7]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn bà N được chấp nhận một phần và bà N thuộc trường hợp được miễn nộp án phí dân sự nên bà N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà N số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà N đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà N.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, cụ thể như sau:

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị O đối với bị đơn là bà Đặng Thị N về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”. Buộc bà Đặng Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị O số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O đối với số tiền 150.000.000đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị O số tiền 1.089.000 đồng là tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0000567 ngày 19/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà N số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000628 ngày 11/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh L;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện C (02);
- Chi cục THADS huyện C;
- Những người tham gia tố tụng (02);
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Bùi Hữu Nhân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Châu Thạch**

**Lê Thị Vân**

**Bùi Hữu Nhân**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh L;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện C (02);
- Chi cục THADS huyện C;
- Những người tham gia tố tụng (02);
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Hữu Nhân**

